

Bản án số: 17/2022/KDTM-PT

Ngày: 17/5/2022

Về “*Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 16/2021/TLPT-KDTM ngày 02/8/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1490/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; vụ án có các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty cổ phần xi măng S; địa chỉ trụ sở: Thôn 9, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Xuân H – Tổng giám đốc, có mặt

**- Bị đơn:** Công ty cổ phần S1; địa chỉ trụ sở: Tổ 4, đường V, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Xuân T, vắng mặt

*Người đại diện ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Hình, có mặt

*Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty cổ phần S1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Tại Quyết định số 14/TCT-TCĐT ngày 07/7/2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty SĐ quyết định thành lập Ban Điều hành dự án thủy điện X thuộc Tổng Công ty kể từ ngày 15/7/2006 “*Ban Điều hành dự án thủy điện X là Cơ quan thay mặt Tổng Công ty SĐ tại Dự án thủy điện X để chấp nối, giải quyết công việc với các cơ quan hữu quan có liên quan đến dự án và quản lý điều hành các đơn vị thực hiện thi công dự án thủy điện X tại CHDCND Lào; Ban điều hành Dự án thủy điện X được mở tài khoản tại Ngân hàng và được sử dụng*”

con dấu theo mẫu quy định. Trụ sở: Đóng tại khu vực cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (bút lục 364).

- Ngày 02/01/2012, Công ty cổ phần S1 (bên A) và Công ty cổ phần xi măng S (bên B) ký **Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/SDY-SD3** và **Hợp đồng kinh tế số 17/HĐKT/SDY-SD3** (bút lục 4-8; 13-17) về việc bên A mua của bên B xi măng, cát, bê tông, phụ gia bê tông, xăng, dầu diesel, dầu mỡ phục vụ để phục vụ thi công công trình thủy điện X - huyện Xanxay - tỉnh Attapeu – Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, những điều khoản cơ bản của 2 hợp đồng:

+ Hàng được giao tại kho của bên A hoặc kho của bên B tại chân Công trình thủy điện X;

+ Đơn giá xi măng, cát, bê tông và phụ gia bê tông do Ban Điều hành Dự án thủy điện X ban hành. Hàng tháng, khi Ban Điều hành chưa công bố đơn giá chính thức thì bên B tạm tính và xuất hóa đơn theo giá liên kế trước đó do Ban Điều hành công bố làm cơ sở để các bên tạm thanh toán cho nhau. Hết quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý sau, bên B tính và tập hợp hồ sơ tài liệu trình Ban Điều hành Dự án xem xét, phê duyệt ban hành đơn giá làm cơ sở để bên A và bên B thanh quyết toán.

+ Đơn giá xăng, dầu diesel, dầu mỡ được tính trên cơ sở giá mua Công ty xăng dầu Nhà nước Lào, chi phí quản lý, vận chuyển và lãi vay.

+ Điều 3: ...*Thanh toán bằng chuyển khoản, hoặc gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự án thủy điện X (BDH dự án). Hồ sơ thanh toán gán trừ trực tiếp qua BDH dự án: Văn bản đề nghị của bên B kèm theo Bảng kê công nợ tiền hàng hóa bên B đã cung cấp cho bên A, các đối chiếu công nợ; Trường hợp bên A chưa ký đối chiếu xác nhận công nợ với bên B nhưng bên B cung cấp đầy đủ biên bản giao nhận hàng hóa thì cũng đủ cơ sở để đề nghị BDH dự án thanh toán gán trừ công nợ cho bên B. Trong trường hợp này, bên B phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong bảng kê công nợ và hồ sơ nói trên;* Điều 4: ...*Nếu quá thời hạn thanh toán đã gia hạn trên mà bên A chưa thanh toán thì bên B sẽ tạm dừng việc cấp hàng và có văn bản đề nghị BDH dự án can thiệp để bên B có vốn tái kinh doanh mua vật tư cung cấp đáp ứng tiến độ thi công công trình.* Điều 6. Tranh chấp và giải quyết: 6.1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc, giải quyết. 6.2. Trong trường hợp nếu hai bên không tự thương lượng được để giải quyết vấn đề tranh chấp thì sẽ báo cáo Tập đoàn SĐ xem xét, giải quyết. Quyết định của Tập đoàn SĐ là cơ sở bắt buộc thực hiện đối với mỗi bên.

- Ngày 02/01/2016 Công ty cổ phần S1 (bên A) và Công ty cổ phần xi măng S (bên B) ký **Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB/SĐ3-SDY/2016** (bl 22-26) về việc bên A mua của bên B xi măng để thi công các công trình thủy điện trong nước (Hợp đồng này các bên không tranh chấp).

- Tại **Chứng từ hạch toán** ngày 30/11/2015 của Ban Điều hành dự án thủy điện X thể hiện Ban Điều hành Dự án căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty cổ phần Xi măng S với các đơn vị thi công trên công trường thủy điện X hạch toán gán trừ công nợ tiền vật tư giữa Công ty cổ phần Xi măng S với Công ty cổ phần S1 (chuyển trả trực tiếp cho Công ty cổ phần Xi măng S) số tiền 3.403.000.000 đồng (*ngoài ra Ban Điều hành Dự án còn gán trừ công nợ*

tiền vật tư giữa Công ty cổ phần Xi măng S với 1 số đơn vị khác thuộc Tổng Công ty SĐ – bl 459)

- Tại **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 31/8/2016, hai bên thống nhất tính đến ngày 31/5/2016, bên A nợ bên B số tiền 27.961.894.670 đồng; trong đó nợ công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng, nợ Công trình thủy điện X là 25.985.352.030 đồng (bl 27).

- Tại **Công văn số 92/TCT-TCKT** ngày 18/01/2017 của Tổng công ty SĐ gửi Công ty cổ phần S1 ghi theo số liệu do Công ty xi măng S cung cấp thì tính đến ngày 25/7/2016, Công ty cổ phần S1 còn nợ Công ty cổ phần xi măng S số tiền 25.985.352.030 đồng. Việc chậm thanh toán tiền ảnh hưởng rất lớn đến uy tín cũng như có thể gây vướng mắc trong công tác chuẩn bị vật tư, xăng dầu phục vụ thi công các Dự án tại Lào do Tổng Công ty SĐ đấu thầu trong tương lai. Vì vậy, trong tháng 01/2017 Tổng Công ty SĐ đã thực hiện gán trừ công nợ của Công ty cổ phần S1 cho Công ty cổ phần Xi măng S tại Công trình thủy điện X để chuyển trả cho Công ty Xăng dầu Nhà nước Lào số tiền 9.936.895.130 đồng (bl 82).

- Tại **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 05/02/2017, hai bên thống nhất tính đến ngày 31/01/2017 bên A nợ bên B tổng số tiền 18.024.999.540 đồng, trong đó nợ tiền vật tư thi công công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng và nợ tiền vật tư thi công công trình thủy điện X là 16.048.456.900 đồng (bl 85). Tại **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 20/02/2017, hai bên thống nhất tính đến ngày 20/02/2017 bên A nợ bên B tổng số tiền 16.752.539.500 đồng, trong đó nợ tiền vật tư thi công công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng và nợ tiền vật tư thi công công trình thủy điện X là 14.775.996.860 đồng (bl 443).

- Công ty cổ phần Xi măng S (bên B) khởi kiện (Đơn đầu tiên ngày 09/01/2017, Đơn bổ sung ngày 10/4/2017) yêu cầu Công ty cổ phần S1 (bên A) trả tổng số tiền 16.752.539.500 đồng, trong đó nợ tiền vật tư thi công công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng và nợ tiền vật tư thi công công trình thủy điện X là 14.775.996.860 đồng (theo **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 20/02/2017). Công ty cổ phần S1 (bên A) không đồng ý thanh toán nợ vì Hợp đồng kinh tế số 16, 17 hai bên ký kết quy định hình thức thanh toán “*chuyển khoản hoặc gán trừ nợ qua Ban Điều hành dự án thủy điện X*” và thực tế Ban Điều hành Dự án đã nhiều lần gán trừ công nợ giữa bên A và bên B (trả trực tiếp cho Công ty cổ phần Xi măng S và Công ty Xăng dầu Nhà nước Lào) nên yêu cầu Tòa án đưa Ban điều hành Dự án vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét trách nhiệm gán trừ nợ của Ban Điều hành Dự án cho bên B.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2017/KDTM-ST ngày 30/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai buộc Công ty cổ phần S1 trả Công ty cổ phần xi măng SĐ tổng số tiền 19.216.300.424 đồng (trong đó nợ gốc 16.752.539.500 đồng, nợ lãi 2.463.760.924 đồng (bl 262). Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2018/KDTM-PT ngày 16/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ban Điều hành sự án thủy điện X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có việc

gán trừ nợ trực tiếp qua Ban điều hành hay không? ý kiến của Ban điều hành như thế nào? (bl 317).

- Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý lại vụ án ngày 03/7/2018 (bl 352). Ngày 11/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku tiến hành xác minh thì Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cho biết trước đây Ban điều hành Dự án thủy điện X có đăng ký Văn phòng tại khu vực cửa khẩu Bờ Y, nhưng thời điểm hiện tại, Ban Điều hành không còn đóng chân trên địa bàn; tiếp đó TAND thành phố Pleiku yêu cầu Công ty cổ phần S1 và Công ty cổ phần xi măng S cung cấp địa chỉ của Ban Điều hành dự án thủy điện X.

- Tại **Công văn số 222/2018/CV/TCHC** ngày 24/10/2018 của Công ty cổ phần xi măng S gửi Tổng công ty SĐ, Ban điều hành dự án thủy điện X, yêu cầu cung cấp địa chỉ của Ban Điều hành Dự án thủy điện X (bl 365). Tại **Giấy mời họp số 106/BĐH/KT-KH** ngày 30/10/2018, Ban Điều hành dự án thủy điện X “mời Công ty cổ phần xi măng S vào lúc 8h00 sáng thứ 6 ngày 02/11/2018 đến Phòng họp Ban điều hành dự án thủy điện X, huyện Xan Xay, tỉnh Attapeu, Lào để “làm rõ yêu cầu của YaLy và trách nhiệm, quyền lợi của Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca man 1 với Yaly; yêu cầu Yaly chuẩn bị tài liệu liên quan và giải trình công nợ với Ban điều hành từ đầu thi công Dự án thủy điện X đến nay.” (bl 392). Tại **Công văn số 231/2018/CV/TCHC** ngày 31/10/2018 gửi Ban Điều hành dự án thủy điện X, Công ty cổ phần xi măng S cho biết đã nhận được Giấy mời họp số 106/BĐH/KT-KH ngày 30/10/2018 của Ban Điều hành, nhưng do điều kiện địa lý quá xa và thời gian gấp nên chưa kịp chuẩn bị tài liệu và đến dự nên xin phép Ban Điều hành tổ chức họp vào ngày khác (bl 393). Tại **Công văn số 59/2020/CV-TA** ngày 07/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku ủy thác cho TAND quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội làm việc với Tổng Công ty SĐ để xác minh Ban Điều hành dự án thủy điện X còn hoạt động và chịu sự quản lý của Tổng Công ty SĐ không và địa chỉ hiện nay của Ban điều hành (bl 403). Tại **Bản tự khai** ngày 27/8/2020 ông Phạm Đức Trọng (Giám đốc Ban Kiểm tra - Pháp chế - Quản lý rủi ro Tổng Công ty SĐ) được sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty SĐ cho biết “Ban Điều hành dự án thủy điện X vẫn còn hoạt động, chưa có bất kỳ văn bản nào về việc thay đổi địa chỉ của Ban Điều hành này” (bl 409, 410).

- Tòa án nhân dân thành phố Pleiku chuyển vụ án lên TAND tỉnh Gia Lai giải quyết theo thẩm quyền vì hiện nay Ban Điều hành dự án thủy điện X vẫn còn hoạt động và có trụ sở tại địa chỉ Công trình thủy điện X, huyện Xan Xay, tỉnh Attapeu, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (bl 415).

- Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý sơ thẩm vụ án:

+ Công ty cổ phần xi măng S (bên B) trình bày **Biên bản đối chiếu công nợ** sau cùng ngày 20/02/2017 Công ty cổ phần S1 (bên A) thừa nhận nợ bên B tổng số tiền 16.752.539.500 đồng, trong đó nợ tiền vật tư công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng và nợ tiền vật tư đối với Công trình thủy điện X là 14.775.996.860 đồng; mặc dù có nhiều lần Ban Điều hành dự án thủy điện X thực hiện gán trừ nợ (Ban điều hành chuyển trả trực tiếp cho bên B), nhưng theo Hợp đồng thì bên B có quyền lựa chọn một trong hai hình thức thanh toán: “...thanh toán bằng chuyển khoản, hoặc gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự

án...” nên nay bên B yêu cầu bên A thanh toán nợ bằng hình thức chuyển khoản, do đó đề nghị Tòa án không đưa Ban điều hành Dự án vào tham gia tố tụng (bl 422 - 424).

+ Công ty cổ phần S1 (bên A) trình bày theo Hợp đồng thì bên B đã đồng ý thanh toán bằng hình thức “*gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự án*” và thực tế thì ngoài vật tư bên A mua của bên B để đưa vào công trình thì bên A phải đầu tư máy móc, chi phí nhân công...vv để thi công công trình thủy điện X cho Chủ đầu tư (là Ban điều hành Dự án - theo Quyết định thành lập của Tổng Công ty SĐ) và hiện nay Chủ đầu tư còn nợ bên A số tiền 46.903.232.812 đồng (theo ***Biên bản đối chiếu công nợ*** ngày 06/01/2021) nên yêu cầu Tòa án phải đưa Ban Điều hành Dự án vào tham gia tố tụng và Ban Điều hành (Chủ đầu tư) có nghĩa vụ thanh toán cho bên B tiền vật tư đã dùng để thi công công trình thủy điện X (bl 425, 426).

**- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 23/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định.**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 11, 24 và 306 Luật thương mại, Điều 388, 405, 408 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần xi măng S. Buộc Công ty cổ phần S1 phải trả cho Công ty cổ phần xi măng S 16.752.539.500 đồng tiền nợ gốc và 6.466.342.554 đồng nợ lãi tính từ ngày 21/02/2017 đến ngày 23/6/2021; tổng cộng nợ gốc và lãi là 23.218.882.054 đồng.*

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với cả khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*2. Về án phí:*

*Công ty cổ phần S1 phải chịu 131.218.882 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.*

*Công ty cổ phần xi măng S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả tổng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 125.169.185 đồng (theo Biên lai thu số 0002866 ngày 21/02/2017 và Biên lai*

thu số 0003179 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PleiKu; Biên lai thu số 0000726 ngày 18/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2021 bị đơn (Công ty cổ phần S1) kháng cáo, nội dung:

+ Đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bên A trả bên B nợ gốc 1.976.542.640 đồng tiền mua xi măng phục vụ thi công công trình trong nước theo **Hợp đồng mua bán** số 05 và đồng ý trả lãi;

+ Không đồng ý trả nợ tiền mua vật tư phục vụ thi công công trình thủy điện X theo hai **Hợp đồng kinh tế** số 16 và số 17 với lý do bên B đã đồng ý thanh toán bằng hình thức “*gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự án*” và thực tế thì bên A phải đầu tư máy móc, nhân công...vv thi công công trình thủy điện X cho Chủ đầu tư (là Ban điều hành Dự án - theo Quyết định thành lập của Tổng Công ty SD) và hiện nay Chủ đầu tư còn nợ bên A số tiền 46.903.232.812 đồng (theo **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 06/01/2021 giữa Ban điều hành Dự án và bên A) nên đề nghị Tòa án tách số công nợ này để thanh toán bằng hình thức gán nợ trực tiếp qua Ban điều hành Dự án thủy điện X.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện:

+ Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà giữ nguyên nội dung kháng cáo;

+ Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

+ Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi thảo luận, nghị án:

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 02/01/2012, Công ty cổ phần S1 (bên A) và Công ty cổ phần xi măng S (bên B) ký với nhau 02 **Hợp đồng kinh tế** số 16 và số 17 về việc bên A mua của bên B xi măng, cát, bê tông, phụ gia bê tông, xăng, dầu diesel, dầu mỡ phục vụ để phục vụ thi công công trình thủy điện X - huyện Xanxay - tỉnh Attapeu – Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; ngoài ra, ngày 02/01/2016 bên A còn ký với bên B **Hợp đồng mua bán** số 05 về việc bên A mua của bên B các loại xi măng để phục vụ thi công công trình trong nước. Tại **Biên bản đối chiếu công nợ** ngày 20/02/2017 bên A thừa nhận còn nợ bên B tổng số tiền 16.752.539.500 đồng (trong đó nợ tiền vật tư công trình trong nước là 1.976.542.640 đồng và nợ tiền vật tư đối với Công trình thủy điện X là 14.775.996.860 đồng). Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bên A trả bên B tổng cộng 23.218.882.054 đồng (gồm 16.752.539.500 đồng nợ gốc và 6.466.342.554 đồng nợ lãi) thì bên A kháng cáo: [1.1]. Đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bên A trả bên B nợ gốc 1.976.542.640 đồng mua xi măng phục vụ thi công công trình trong nước theo **Hợp đồng mua bán** số 05 và đồng ý trả lãi; [1.2]. Không đồng ý trả nợ tiền mua vật tư phục vụ thi công công trình thủy điện X theo hai **Hợp đồng kinh tế** số 16 và số 17 với lý do bên B đã đồng ý

thanh toán bằng hình thức “*gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự án*” và thực tế thì bên A phải đầu tư máy móc, nhân công...vv thì công trình thủy điện X cho Chủ đầu tư (là Ban điều hành Dự án - theo Quyết định thành lập của Tổng Công ty SĐ) và hiện nay Chủ đầu tư còn nợ bên A số tiền 46.903.232.812 đồng (theo *Biên bản đối chiếu công nợ* ngày 06/01/2021 giữa Ban điều hành Dự án và bên A) nên đề nghị Tòa án tách số công nợ này để thanh toán bằng hình thức gán nợ trực tiếp qua Ban điều hành Dự án thủy điện X.

*Xét kháng cáo của Công ty cổ phần S1 (bên A), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:*

[2] Tại Quyết định số 14/TCT-TCĐT ngày 07/7/2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty SĐ quyết định thành lập Ban Điều hành Dự án thủy điện X thuộc Tổng Công ty SĐ kể từ ngày 15/7/2006 “*Ban Điều hành dự án thủy điện X là Cơ quan thay mặt Tổng Công ty SĐ tại Dự án thủy điện X để chấp nối, giải quyết công việc với các cơ quan hữu quan có liên quan đến dự án và quản lý điều hành các đơn vị thực hiện thi công dự án thủy điện X tại CHDCND Lào; Ban điều hành Dự án thủy điện X được mở tài khoản tại Ngân hàng và được sử dụng con dấu theo mẫu quy định. Trụ sở: Đóng tại khu vực cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (bút lục 364).* Bên B khởi kiện đòi bên A trả nợ từ đầu năm 2017. Sau khi Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2018/KDTM-PT ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (bl 317) hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2017/KDTM-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku để giải quyết sơ thẩm lại với yêu cầu đưa Ban Điều hành Dự án thủy điện X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có việc gán trừ nợ giữa bên A với bên B qua Ban điều hành hay không và ý kiến của Ban điều hành hiện nay như thế nào thì tại ***Bản tự khai*** ngày 27/8/2020, ông Phạm Đức Trọng (Giám đốc Ban Kiểm tra - Pháp chế - Quản lý rủi ro Tổng Công ty SĐ) được sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty SĐ cho biết “*Ban Điều hành dự án thủy điện X vẫn còn hoạt động, chưa có bất kỳ văn bản nào về việc thay đổi địa chỉ của Ban Điều hành này*” (bl 409, 410). Như vậy, Ban Điều hành Dự án thủy điện X còn tồn tại và vẫn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như nội dung Quyết định thành lập Ban điều hành Dự án số 14/TCT-TCĐT ngày 07/7/2006 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty SĐ.

[3] ***Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/SDY-SD3*** và ***Hợp đồng kinh tế số 17/HĐKT/SDY-SD3*** bên A và bên B ký cùng ngày 02/01/2012 quy định: Hàng hóa được giao tại kho của bên A hoặc kho của bên B tại chân Công trình thủy điện X; Đơn giá xi măng, cát, bê tông và phụ gia bê tông do Ban Điều hành Dự án ban hành hàng quý, còn Đơn giá xăng, dầu diesel, dầu mỡ được tính trên cơ sở giá mua của Công ty xăng dầu Nhà nước Lào cộng chi phí quản lý, vận chuyển và lãi vay; “*Điều 3: ...Thanh toán bằng chuyển khoản, hoặc gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành dự án thủy điện X (BDH dự án).* Hồ sơ thanh toán gán trừ trực tiếp qua BDH dự án gồm: *Văn bản đề nghị của bên B kèm theo Bảng kê công nợ tiền hàng hóa bên B đã cung cấp cho bên A, các đối chiếu công nợ; Trường hợp bên A chưa ký đối chiếu xác nhận công nợ với bên B nhưng bên B cung cấp đầy đủ biên bản giao nhận hàng hóa thì cũng đủ cơ sở để đề nghị BDH dự án thanh toán gán trừ công nợ cho bên B. Trong trường hợp này, bên B*

phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong bảng kê công nợ và hồ sơ nói trên; Điều 4: ...Nếu quá thời hạn thanh toán đã gia hạn trên mà bên A chưa thanh toán thì bên B sẽ tạm dừng việc cấp hàng và có văn bản đề nghị BDH dự án can thiệp để bên B có vốn tái kinh doanh mua vật tư cung cấp đáp ứng tiến độ thi công công trình. Điều 6. Tranh chấp và giải quyết: 6.1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc, giải quyết. 6.2. Trong trường hợp nếu hai bên không tự thương lượng được để giải quyết vấn đề tranh chấp thì sẽ báo cáo Tập đoàn SD xem xét, giải quyết. Quyết định của Tập đoàn SD là cơ sở bắt buộc thực hiện đối với mỗi bên. Như vậy, khi giao hàng cho bên A, bên B không chốt ngay giá bán mà chấp nhận giá do Ban điều hành Dự án quyết định sau đó và đồng ý lựa chọn thêm phương án thanh toán bằng hình thức “gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành Dự án” và còn thống nhất cụ thể về hồ sơ đề nghị thanh toán gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành gồm Văn bản đề nghị của bên B kèm *Biên bản đối chiếu công nợ* giữa bên A với bên B và ngay cả trong trường hợp bên A chưa ký *Biên bản đối chiếu công nợ* thì bên B vẫn có quyền gửi hồ sơ đề nghị Ban Điều hành Dự án thanh toán gán trừ công nợ cho bên B; nếu hai bên tranh chấp thì báo cáo Tập đoàn SD giải quyết và Quyết định của Tập đoàn SD là cơ sở bắt buộc các bên thực hiện.

[4] Trên thực tế, tại ***Chứng từ hạch toán*** ngày 30/11/2015 của Ban Điều hành dự án thủy điện X thể hiện, Ban Điều hành căn cứ *Biên bản đối chiếu công nợ* giữa Công ty cổ phần Xi măng S với các đơn vị thi công trên công trường thủy điện X hạch toán gán trừ công nợ tiền vật tư giữa Công ty cổ phần Xi măng S với Công ty cổ phần S1 (chuyển trả trực tiếp cho Công ty cổ phần Xi măng S) số tiền 3.403.000.000 đồng (*ngoài ra Ban Điều hành còn gán trừ công nợ tiền vật tư giữa Công ty cổ phần Xi măng S với 1 số đơn vị khác thuộc Tổng Công ty SD – bl 459*). Tại ***Công văn số 92/TCT-TCKT*** ngày 18/01/2017 của Tổng Công ty SD gửi Công ty cổ phần S1 ghi theo số liệu do Công ty xi măng S cung cấp thì tính đến ngày 25/7/2016, Công ty cổ phần S1 còn nợ Công ty cổ phần xi măng S số tiền 25.985.352.030 đồng; việc chậm thanh toán tiền ảnh hưởng rất lớn đến uy tín cũng như có thể gây vướng mắc trong công tác chuẩn bị vật tư, xăng dầu phục vụ thi công các Dự án tại Lào do Tổng Công ty SD đầu thầu trong tương lai; vì vậy, trong tháng 01/2017 Tổng Công ty SD đã thực hiện gán trừ công nợ của Công ty cổ phần S1 cho Công ty cổ phần Xi măng S tại Công trình thủy điện X để chuyển trả cho Công ty Xăng dầu Nhà nước Lào số tiền 9.936.895.130 đồng (bl 82).

[5] Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý lại vụ án để xét xử sơ thẩm thì Công ty cổ phần xi măng S đã có ***Công văn số 222/2018/CV/TCHC*** ngày 24/10/2018 gửi Tổng công ty SD, Ban điều hành dự án thủy điện X yêu cầu cung cấp địa chỉ của Ban Điều hành Dự án thủy điện X (bl 365). Tại ***Giấy mời họp số 106/BDH/KT-KH*** ngày 30/10/2018, Ban Điều hành dự án thủy điện X “mời Công ty cổ phần xi măng S vào lúc 8h00 sáng thứ 6 ngày 02/11/2018 đến Phòng họp Ban điều hành dự án thủy điện X, huyện Xan Xay, tỉnh Attapeu, Lào để “làm rõ yêu cầu của YaLy và trách nhiệm, quyền lợi của Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca man 1 với Yaly; yêu cầu Yaly chuẩn bị tài liệu liên quan và giải trình công nợ với Ban điều hành từ đầu thi công Dự án thủy điện X đến



nay.” (bl 392), nhưng tại **Công văn số 231/2018/CV/TCHC** ngày 31/10/2018 gửi Ban Điều hành dự án thủy điện X, Công ty cổ phần xi măng S cho biết đã nhận được Giấy mời họp số 106/BĐH/KT-KH ngày 30/10/2018 của Ban Điều hành dự án thủy điện X, nhưng do điều kiện địa lý quá xa và thời gian gấp nên chưa kịp chuẩn bị tài liệu và đến dự họp nên xin phép Ban Điều hành tổ chức họp vào ngày khác (bl 393).

[6] Từ các tài liệu, chứng cứ dẫn chứng và phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: (i) Ban Điều hành Dự án thủy điện X (trụ sở đóng tại khu vực cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, hiện còn tồn tại và vẫn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như nội dung Quyết định số 14/TC-TCT ngày 07/7/2006 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty SĐ) là Cơ quan thay mặt Tổng Công ty SĐ, là Chủ đầu tư tại Dự án thủy điện X - huyện Xanxay - tỉnh Attapeu - Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; (ii) khi giao hàng cho bên A, bên B không chốt ngay giá bán mà chấp nhận giá do Ban điều hành Dự án quyết định sau đó và đồng ý lựa chọn thêm phương án thanh toán bằng hình thức “*gán trừ trực tiếp qua Ban điều hành Dự án*” và còn thống nhất cụ thể về hồ sơ đề nghị thanh toán gán trừ trực tiếp và ngay cả trường hợp bên A chưa ký *Biên bản đối chiếu công nợ* thì bên B vẫn có quyền gửi hồ sơ đề nghị Ban Điều hành Dự án thanh toán gán trừ nợ; trường hợp hai bên tranh chấp thì thống nhất báo cáo Tập đoàn SĐ giải quyết và Quyết định của Tập đoàn SĐ là cơ sở bắt buộc các bên thực hiện. Thực tế, Ban Điều hành Dự án thủy điện X và Tổng Công ty SĐ (Công ty mẹ) đã nhiều lần gán trừ nợ cho bên B (chuyển trả tiền trực tiếp cho bên B) và sau khi TAND tỉnh Gia Lai thụ lý sơ thẩm lại vụ án thì gần đây nhất là vào ngày 30/10/2018 Ban Điều hành dự án thủy điện X đã có **Giấy mời họp số 106/BĐH/KT-KH** mời bên B đến Ban điều hành dự án thủy điện X đóng tại huyện Xan Xay, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào để “*làm rõ yêu cầu của YaLy và trách nhiệm, quyền lợi của Ban điều hành dự án thủy điện X với Yaly; yêu cầu Yaly chuẩn bị tài liệu liên quan và giải trình công nợ với Ban điều hành từ đầu thi công Dự án thủy điện X đến nay*”, nhưng bên B tại **Công văn số 231/2018/CV/TCHC** ngày 31/10/2018 nêu lý do điều kiện địa lý xa xôi và gấp nên chưa kịp chuẩn bị tài liệu nên đề nghị Ban Điều hành Dự án tổ chức họp vào ngày khác. Mặt khác, ngoài vật tư mua của bên B đem vào công trình thủy điện X thì bên A phải đầu tư máy móc, chi trả nhân công...vv để thi công công trình thủy điện X cho Chủ đầu tư là Ban điều hành Dự án (theo Quyết định thành lập của Tổng Công ty SĐ) và hiện nay Ban Điều hành Dự án còn nợ Công ty cổ phần S1 theo **Biên bản đối chiếu công nợ** giữa hai bên ngày 06/01/2021 số tiền 46.903.232.812 đồng; như vậy, thực chất cả bên A và bên B đều đang bị thiệt hại do Chủ đầu tư là Ban điều hành Dự án thủy điện X chiếm dụng vốn. Vì các lý do trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần S1 trả Công ty cổ phần Xi măng S gốc và lãi tiền mua vật tư phục vụ thi công công trình thủy điện X là chưa đủ cơ sở. Công ty cổ phần xi măng S sau khi chuẩn bị tài liệu để giải trình số tiền Công ty cổ phần S1 còn nợ Công ty cổ phần Xi măng S với Ban điều hành dự án thủy điện X, tại huyện Xan Xay, tỉnh Attapeu, Lào và chờ kết quả giải quyết hoặc thực hiện quy định tại **Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/SDY-SD3** và **Hợp đồng kinh tế số 17/HĐKT/SDY-SD3**: “6.2. Trong trường hợp nếu hai bên không tự thương

*lượng được để giải quyết vấn đề tranh chấp thì sẽ báo cáo Tập đoàn SĐ xem xét, giải quyết. Quyết định của Tập đoàn SĐ là cơ sở bắt buộc thực hiện đối với mỗi bên” mà sau đó nếu không thống nhất với kết quả giải quyết thì có quyền khởi kiện lại vụ án yêu cầu Công ty cổ phần S1 trả nợ theo đúng quy định của pháp luật.*

[7] Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi thụ lý vụ án và giải quyết nội dung vụ án không đúng nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần S1 sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần S1 trả Công ty cổ phần Xi măng S tiền nợ mua vật tư phục vụ thi công công trình thủy điện X, giữ nguyên quyết định tại bản án sơ thẩm về buộc Công ty cổ phần S1 trả Công ty cổ phần Xi măng S tiền nợ mua vật tư phục vụ thi công công trình trong nước; do đó, cấp phúc thẩm tính lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty cổ phần S1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần S1, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, cụ thể:

Căn cứ các Điều 11, 24 và 306 Luật Thương mại; các Điều 388, 405, 408 và 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xi măng S, buộc Công ty cổ phần S1 phải trả Công ty cổ phần xi măng S 1.976.542.640 đồng nợ gốc và 762.929.213 đồng nợ lãi (tính từ ngày 21/02/2017 đến ngày 23/6/2021), tổng cộng gốc và lãi phải trả là 2.739.471.853 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần S1 phải chịu 86.789.437 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần xi măng S được hoàn trả 125.169.185 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0002866 ngày 21/02/2017 và Biên

lai thu số 0003179 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PleiKu; Biên lai thu số 0000726 ngày 18/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần S1 không phải chịu nên được hoàn trả 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000748 ngày 14/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao – Vụ 2;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến**